

Số: 105/2026/QĐ-UBND

Huế, ngày 08 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030 (theo Phụ lục đính kèm).

2. Quyết định này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Căn cứ hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương liên quan và chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu được giao phụ trách trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030.

b) Thẩm tra, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu được giao phụ trách, thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Huế gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai

đoạn 2026 - 2030. Định kỳ 6 tháng và hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố.

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nêu trên, phù hợp với điều kiện thực tế.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

3. Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố Huế

a) Đôn đốc các Sở, ban, ngành thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu được giao phụ trách trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030.

b) Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới của các xã trên địa bàn thành phố.

c) Phối hợp với các Sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân xã tổng hợp kết quả đánh giá các tiêu chí nông thôn mới của các xã theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030.

4. Ủy ban nhân dân các xã

a) Căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030 và hướng dẫn của các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, chủ động rà soát đánh giá mức độ đạt được đối với các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn xã; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp theo lộ trình của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hàng năm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

c) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội hằng năm tổ chức phối hợp giám sát việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, đa dạng các hình thức tuyên truyền về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 10 năm 2026.

2. Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể thành phố; Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy, HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam và các đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Thành ủy; các Ban Đảng Thành ủy;
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, XD CB, TC;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Mạnh

Phụ lục
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 105/2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị			Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Có Quy hoạch chi tiết cụ thể hóa quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch phân khu (nếu có) hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		Không quy định	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Có Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn hoặc nội dung quy hoạch chung xã có tích hợp Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn		Không quy định	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	1. Cấp kỹ thuật đường xã: 100% đạt cấp kỹ thuật đường đô thị (TCVN 13592:2022).	1. Cấp kỹ thuật đường xã: Tối thiểu đạt Cấp A theo TCVN 10380:2014; Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; Bảo đảm có đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật cần thiết như: hệ thống báo hiệu đường bộ (cọc tiêu, biển báo, sơn kẻ đường, v.v,...), hệ thống thoát nước, hệ thống phòng hộ (tường chắn, hộ lan tại các vị trí đèo dốc, vực sâu, v.v..), hệ thống chiếu sáng, vỉa hè tại	1. Cấp kỹ thuật đường xã: Tối thiểu đạt Cấp B theo TCVN 10380:2014	Sở Xây dựng

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá	
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3		
					các đoạn qua khu đông dân cư, v,v,...			
			Đạt	2. Cứng hóa đường thôn, ngõ, xóm: 100% bê tông hóa hoặc nhựa hóa	2. Cứng hóa đường thôn, ngõ, xóm: Tối thiểu 90% bê tông hóa hoặc nhựa hóa	2. Cứng hóa đường thôn/ngõ/xóm: Tối thiểu $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa		
			Đạt	3. Bảo đảm kết nối giao thông được thực hiện theo quy định				
			Đạt	4. Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường				
			Đạt	5. Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm				
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	Đạt	Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm			Sở Nông nghiệp và Môi trường	
				- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$; - Có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị	- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$; - Có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực.	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương.		
			2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Đạt	Đánh giá mức “Tốt” khi: đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 85 điểm trở lên theo quy định	Đánh giá mức “Khá” khi: đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm theo quy định		Đánh giá “Đạt” khi: đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm theo quy định
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện	$\geq 98\%$	$\geq 99\%$	$\geq 99\%$	$\geq 98\%$	Sở Công Thương	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.					
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.	Đạt	Đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Có Chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định; - Có Siêu thị hạng 3 trở lên theo quy định.	Đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Có chợ đạt tiêu chí quy định và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn đánh giá chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định. - Có chợ đạt tiêu chí quy định và chợ có ít nhất 01 (một) khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ theo quy định. - Có siêu thị mini trở lên theo quy định.	Đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Có Chợ đạt tiêu chí theo quy định; - Có một trong các loại hình cơ sở bán lẻ khác phù hợp theo quy định.	
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất.	Đạt	- Đến năm 2030, 100% các thôn trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất. - Dịch vụ viễn thông, Internet hiện có trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.			Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế nông	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người.	Bình quân từ 9,5-12% /năm	≥9,5%/năm	≥9,5%/năm	≥9,5%/năm	Thống kê thành phố

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
	thôn	3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.	≥01 mô hình	Có ≥03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.	Có ≥02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.	Có ≥01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.	
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương.	Đạt	Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030			Sở Nông nghiệp và Môi trường
			Đạt	- Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên; - Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.		- Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên còn thời hạn; - Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì tối thiểu bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương.	Đạt	100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP.		100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP	
				Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).			
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả.	Đạt	≥01 Hợp tác xã đạt các yêu cầu sau: - Tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành; - Kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính của hợp tác xã trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; - Có tối thiểu 01 loại sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho thành viên chính thức phù hợp với từng loại hình hợp tác xã; - Có quy mô thành viên đủ lớn (lĩnh vực nông nghiệp: có từ 50 thành viên chính thức trở lên; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng: có từ 20 thành viên chính thức trở lên; lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm: có từ 100 thành viên chính thức trở lên; lĩnh vực thương mại - dịch vụ và lĩnh vực khác: có từ 20 thành viên chính thức trở lên); số lượng thành viên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tăng tối thiểu 5%/năm (hoặc 10 thành viên/năm).			Sở Tài chính

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.	≥ 01	Không quy định	≥ 01 Tổ khuyến nông đạt kết quả chấm điểm từ 70 điểm trở lên theo quy định	≥ 01 Tổ khuyến nông đạt kết quả chấm điểm từ 60 điểm trở lên theo quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định.	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$	Hội Nông dân
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đáp ứng các yêu cầu sau: - Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn; hoặc tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; - Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 10%/năm trở lên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; - Số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng từ 5% trở lên so với năm trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.			Sở Tài chính
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥ 01	≥ 01 (Theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính; Điều 8, Điều 9 và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công thương; Điều 19, Điều 20 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)			- Sở Tài chính; - Sở Công thương; - Sở Nông nghiệp và Môi trường.
4	Đào tạo nguồn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 27\%$	$\geq 40\%$	$\geq 35\%$	$\geq 27\%$	Sở Nội vụ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
	nhân lực nông thôn	4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đảm bảo đạt các yêu cầu: (1) Về cơ sở vật chất văn hóa; (2) Về hoạt động văn hóa cơ sở; (3) Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; (4) Về di sản văn hóa; (5) Về chuyển đổi số, dữ liệu số và (6) Về nhân lực quản lý văn hóa.			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục					Sở Giáo dục và Đào tạo
		Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia	Đạt	90%	80%	70%	
		Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp	Đạt	90%	85%	80%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
					Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
			trung học phổ thông và tương đương					
			Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác	Đạt	90%	85%	80%	
			Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
			Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
6	Giảm Nghèo và An sinh	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều		≤2%	≤2%	≤5%	≤13%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố		≥75%	≥95%	≥85%	≥75%	Sở Xây dựng

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
					Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
	xã hội	6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn		Đạt	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 85\%$ (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 80\%$ (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung).	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 40\%$ (bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có))	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm		Đạt	100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm			Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ	Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã được	Đạt	$\geq 95\%$;	$\geq 85\%$;	$\geq 70\%$;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
					Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		liệu về nông nghiệp và môi trường	xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc					trường
			Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
			Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
					Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
			Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã	Đạt	≥95%;	≥85%;	≥70%;	
			Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã	Đạt	≥95%;	≥85%;	≥70%;	
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử		Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	Sở Công thương
		7.4. Có mô hình thôn thông minh		≥01 mô hình	≥01 mô hình đáp ứng được các điều kiện sau: - Đến năm 2030, bảo đảm 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu với 90% người sử dụng có thể truy nhập Internet cố định, tốc độ trung bình tối thiểu 200 Mb/s. - Đến năm 2030, mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số trên địa bàn. - Có điểm truy cập số cộng đồng: Nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng tại thôn có kết nối Internet cáp quang băng rộng. - Đến năm 2030, tối thiểu 90% số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số thuê bao điện thoại di động trên địa bàn thôn		Không quy định	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				- Có thành lập tổ công nghệ số cộng đồng. Người dân trong thôn được phổ biến, tập huấn kỹ năng số tối thiểu 01lần/năm ¹ .			
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường			Sở Nông nghiệp và Môi trường
				Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥ 90%		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%	
				Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh.			
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	
8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%			

¹ Ngoài ra, thôn thông minh cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện áp dụng chung đối với thôn theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền hướng dẫn tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	Xã phải có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường			Sở Xây dựng
			Đạt	Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt $\geq 50\%$. Biện pháp phù hợp: Có thể áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung (cho cụm hộ gia đình hoặc khu dân cư nông thôn) dựa trên đặc thù mật độ dân cư và điều kiện tự nhiên			
			Đạt	Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp, nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường		Không quy định	
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng Bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng UBND thành phố

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với nhóm xã			Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Công an thành phố
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố